

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-7-2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Lê Đức Dũng.**

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Công Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai: Không tham gia.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **167/2025/TLST-HNGĐ** ngày 17 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thanh T**, sinh năm: 2002. *(Có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện C (nay là xã S), tỉnh Đồng Nai.

CCCD: 075302001007; cấp ngày 13-4-2021; Nghề nghiệp: Sinh viên.

Dân tộc: Kinh.

2. Bị đơn: Anh **Mã Văn L**, sinh năm: 1997. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện C (nay là xã S), tỉnh Đồng Nai.

CCCD: 075097015747; cấp ngày 14-7-2022; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Dân tộc: Nùng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-4-2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Vũ Thanh T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Mã Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã S, huyện C (nay là xã S), tỉnh Đồng Nai, vào năm 2022. Trong quá trình chung

sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Mã Văn L không có trách nhiệm với vợ con, mắng và đánh chị. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8-2023 đến nay. Nay chị cảm thấy vợ chồng không thể duy trì cuộc sống chung, nên chị yêu cầu ly hôn anh Mã Văn L.

Về con chung: Vợ chồng chị và anh Mã Văn L có 02 người con chung tên: Mã Vũ Thu H, sinh ngày 07-5-2020 và Mã Vũ Quang H1, sinh ngày 07-5-2020, sau ly hôn anh Mã Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con vì thời gian này chị đang đi học Cao đẳng được tại Trường Cao đẳng Đ, chưa có thu nhập.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại Bản tự khai ngày 25-6-2025 và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Mã Văn L trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Vũ Thanh T về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa anh với chị Vũ Thanh T, chị Vũ Thanh T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Thời gian qua (từ tháng 8-2023 đến nay) anh là người trực tiếp nuôi 02 người con chung. Sau ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 người con chung, yêu cầu chị Vũ Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Vụ án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai không tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó không có lời phát biểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tham gia tố tụng và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* Chị Vũ Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Mã Văn L. Như vậy, chị Vũ Thanh T là nguyên đơn, anh Mã Văn L là bị đơn; anh Mã Văn L có nơi cư trú tại ấp C, xã S, huyện C (nay là xã S), tỉnh Đồng Nai, như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng :*

Anh Mã Văn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 154/2022, ngày 08-11-2022, Ủy ban nhân dân xã S, huyện C (nay là xã S), tỉnh Đồng Nai, cấp cho chị

Vũ Thanh T và anh Mã Văn L đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L là hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị Vũ Thanh T cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, do anh Mã Văn L không có trách nhiệm với vợ con, mắng và đánh chị. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8-2023 đến nay. Chị cảm thấy vợ chồng không thể duy trì cuộc sống chung, nên chị yêu cầu ly hôn anh Mã Văn L. Anh Mã Văn L đồng ý ly hôn. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Vũ Thanh T được ly hôn với anh Mã Văn L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung:* Vợ chồng chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L có 02 người con tên: Mã Vũ Thu H, sinh ngày 07-5-2020 và Mã Vũ Quang H1, sinh ngày 07-5-2020, thời gian qua anh Mã Văn L chăm sóc đảm bảo, chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L thống nhất sau ly hôn anh Mã Văn L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên ghi nhận.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Mã Văn L yêu cầu chị Vũ Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Chị Vũ Thanh T nêu lý do đang đi học Cao đẳng dược tại Trường Cao đẳng Đ, chưa có thu nhập, nên không thể cấp dưỡng nuôi con là không hợp lý. Để cuộc sống của các người con của anh, chị phát triển ổn định chị Vũ Thanh T phải cấp dưỡng để cùng chia sẻ khó khăn với anh Mã Văn L là cần thiết và phù hợp quy định Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do chị Vũ Thanh T đang trong thời gian đi học về điều kiện kinh tế có khó khăn, nên chấp nhận khoản tiền chị phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng là phù hợp quy định Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] *Về tài sản:*

Chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[8] *Về nợ chung:*

Chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L trình bày không có, nên không xét.

[9] *Về án phí:*

Chị Vũ Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, **110, 116 và 117** Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39 và khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L.

2. Về nuôi con chung:

Chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L có 02 người con chung tên: Mã Vũ Thu H, sinh ngày 07-5-2020 và Mã Vũ Quang H1, sinh ngày 07-5-2020. Khi ly hôn, anh Mã Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con, đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, hoặc khi chị Vũ Thanh T và anh Mã Văn L có yêu cầu khác.

Chị Vũ Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Mã Văn L mỗi tháng **2.000.000 (Hai triệu)** đồng.

Chị Vũ Thanh T được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Mã Văn L (*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*), chị Vũ Thanh T phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thanh T phải nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thanh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Đồng Nai theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0013156** ngày 17-4-2025 được chuyển thành tiền án phí. Vậy chị Vũ Thanh T phải nộp bổ sung **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; anh Mã Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Khu vực 5 - Đồng Nai;
- Phòng T.H.A dân sự Khu vực 5 - Đồng Nai;
- UBND. xã Sông Ray;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng